TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST Ngày 31-12-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Giang;

Ông Lý Quang Ngọc.

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị N, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lý Văn K, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Bạch Ánh T1, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sống chung vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/11/2022. Sau khi chung sống vợ chồng được một thời gian thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Lý Văn K và chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không cùng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau thường xuyên. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, việc mâu thuẫn chưa báo chính quyền địa phương giải quyết, chỉ giải quyết nội bộ trong gia đình. Chị nhận thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên đến khoảng tháng 2/2023 thì chị về nhà me đẻ là Lý Thị N1 sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lý Văn K không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022, khi ly hôn chị yêu cầu anh Lý Văn K nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con, chị hiện nay làm tự do, thu nhập không ổn định, cũng không có chỗ ở ổn định. Trường hợp anh Lý Văn K yêu cầu cấp dưỡng chị cũng nhất trí cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, đã sống ly thân, do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Lý Văn K. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022 cho anh Lý Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Lâm Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lâm Thị N do chị Lâm Thị N là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Quá trình tố tụng, lấy lời khai và đơn vắng mặt, anh Lý Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn K trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và con chung đúng như chị Lâm Thị N đã trình bày. Anh Lý Văn K thừa nhận trong quá trình sống do chị Lâm Thị N không chăm lo gia đình nên anh có nhắc nhở và mắng chị Lâm Thị N, không đánh chị Lâm Thị N bao giờ, chị Lâm Thị N và anh cũng mới ly thân được khoảng 02 tháng, anh liên lạc để nói chuyện với chị Lâm Thị N nhưng không được, anh không biết chị Lâm Thị N đi đâu, làm gì. Anh xác định còn tình cảm vợ chồng với chị Lâm Thị N mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, tuy nhiên nay chị Lâm Thị N cương quyết

ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh Lý Văn K đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022 ; anh yêu cầu chị Lâm Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Vợ chồng không có tài sản chung gì và không vay nợ ai. Đồng thời anh Lý Văn K xin được giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Chị Lâm Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn K, anh Lý Văn K cũng nhất trí. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Lý Văn K. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022 cho anh Lý Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Lâm Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/11/2022. Sau khi chung sống vợ chồng được một thời gian thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau và đã sống ly thân. Chị Lâm Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn K, tại biên bản lấy lời khai của anh Lý Văn K thể hiện anh Lý Văn K mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị Lâm Thị N cương quyết ly hôn anh Lý Văn K vẫn chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị N. Do đó có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N là có căn cứ do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Lý Văn K.

Về con chung: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K có 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị N có ý kiến khi ly hôn yêu cầu anh K nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000

đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại biên bản ghi lời khai anh Lý Văn K nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu chị Lâm Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Lý Thị Thúy T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83,107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lý Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lý Thị Thúy T, chị Lâm Thị N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị Lâm Thị N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung không có do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lâm Thị N được miễn án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lâm Thị N và Lý Văn K theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lý Văn K, cư trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2022, ngày 15/11/2022, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị Lâm Thị N xin ly hôn anh Lý Văn K cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Nhất L có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K có 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022. Chị Lâm Thị N yêu cầu anh Lý Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chị cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn K cũng

nhất trí. Xét thấy anh Lý Văn K làm công nhân, có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định và từ khi ly thân cháu Lý Thị Thúy T vẫn được anh Lý Văn K chu cấp tiền ăn, nhu cầu sống vẫn đảm bảo, chị Lâm Thị N không có nghề nghiệp đảm bảo. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Lý Thị Thúy T cho anh Lý Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Lý Văn K yêu cầu chị Lâm Thị N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng và chị Lâm Thị N cũng có ý kiến nhất trí cấp dưỡng con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Do vậy chị Lâm Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, thời điểm thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2024, cho đến khi cháu Lý Thị Thúy T đủ 18 tuổi. Trường hợp chị Lâm Thị N chậm thực hiện cấp dưỡng thì phải chịu lãi xuất theo quy định. Chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị N và anh Lý Văn K xác định vợ chồng không yêu cầu giải quyết về có tài sản chung, không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lâm Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Sán Chỉ), sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Lý Văn K. *(Đăng ký kết hôn số 37/2022, đăng ký ngày 15/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lý Thị Thúy T, sinh ngày 17/9/2022 cho anh Lý Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lâm Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, thời điểm thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2025, cho đến khi cháu Lý Thị Thúy T đủ 18 tuổi.

Chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lâm Thị N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- NBV QLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai